

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý hoạt động chăn nuôi, giết mổ, mua bán,
vận chuyển động vật, sản phẩm động vật, áp trứng gia cầm**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh Giống vật nuôi ngày 24 tháng 3 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29 tháng 4 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Thú y; Nghị định số 119/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y;

Căn cứ Quyết định số 1405/QĐ-TTg ngày 16 tháng 10 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện áp trứng gia cầm và chăn nuôi thủy cầm;

Căn cứ Thông tư số 69/2005/TT-BNN ngày 07 tháng 11 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số biện pháp cấp bách phòng chống dịch cúm (H5N1) ở gia cầm;

Căn cứ Thông tư số 92/2007/TT-BNN ngày 19 tháng 11 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 1405/QĐ-TTg ngày 16 tháng 10 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện áp trứng gia cầm và chăn nuôi thủy cầm; Thông tư số 60/2008/TT-BNN ngày 15 tháng 5 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi một số nội dung tại Thông tư số 92/2007/TT-BNN ngày 19 tháng 11 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 1405/QĐ-TTg ngày 16 tháng 10 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện áp trứng gia cầm và chăn nuôi thủy cầm;

Căn cứ Thông tư số 11/2009/TT-BNN ngày 04 tháng 3 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động chăn nuôi, giết mổ, mua bán, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật, áp trứng gia cầm trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày và đăng báo Cần Thơ chậm nhất là 05 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (HN-TP.HCM);
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT.Thành ủy, TT.HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- UBMTTQ TP và các Đoàn thể thành phố;
- Sở, ban, ngành thành phố;
- Quận ủy, TT.HĐND quận;
- Huyện ủy, TT.HĐND huyện;
- UBND quận, huyện;
- VP Thành ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Báo Cần Thơ; Đài PT và TH thành phố;
- VP UBND thành phố (2, 3);
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT.NTH.65

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(đã ký)
Trần Thanh Mẫn

QUY ĐỊNH

**Về quản lý hoạt động chăn nuôi, giết mổ, mua bán, vận chuyển
động vật, sản phẩm động vật, ấp trứng gia cầm**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 24 /2010/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Quy định này áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến chăn nuôi, giết mổ, mua bán, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật, ấp trứng gia cầm trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Các thuật ngữ dùng trong Quy định này được hiểu như sau:

1. Động vật gồm các loài gia súc (trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, thỏ), các loài gia cầm (gà, vịt, ngỗng, chim cút, bồ câu, chim cảnh,...) và các loài động vật khác.

2. Sản phẩm động vật gồm những sản phẩm có nguồn gốc từ những loài động vật được quy định tại khoản 1 của Điều này.

3. Cơ sở chăn nuôi bao gồm cả hệ thống xử lý chất thải: chăn nuôi tập trung quy mô lớn, chăn nuôi quy mô vừa, chăn nuôi quy mô nhỏ, chăn nuôi hộ gia đình và điểm trung chuyển động vật, cụ thể:

a) Chăn nuôi quy mô lớn: thường xuyên có số lượng động vật như sau:

- Trâu, bò, ngựa: mục đích nuôi sinh sản, phối giống, lấy sữa từ 100 con trở lên; mục đích nuôi lấy thịt từ 400 con trở lên;

- Heo: mục đích nuôi sinh sản, phối giống từ 200 con trở lên; mục đích nuôi thịt từ 1.000 con trở lên;

- Dê, cừu, chó: từ 1.000 con trở lên;

- Thỏ: từ 10.000 con trở lên;

- Gia cầm từ 20.000 con trở lên (đối với chim cút từ 100.000 con trở lên).

b) Chăn nuôi quy mô vừa: thường xuyên có số lượng động vật như sau:

- Trâu, bò, ngựa: mục đích nuôi sinh sản, phối giống, lấy sữa từ 10 con đến dưới 100 con; mục đích nuôi lấy thịt từ 50 con đến dưới 400 con;

- Heo: mục đích nuôi sinh sản, phối giống từ 20 con đến dưới 200 con; mục đích nuôi thịt từ 100 con đến dưới 1.000 con;

- Dê, cừu, chó: từ 200 con đến dưới 1.000 con;

- Thỏ: từ 5.000 con đến dưới 10.000 con;

- Gia cầm từ 2.000 con đến dưới 20.000 con (đối với chim cút từ 20.000 đến dưới 100.000 con).

c) Chăn nuôi quy mô nhỏ: thường xuyên có số lượng động vật như sau:

- Trâu, bò, ngựa: mục đích nuôi sinh sản, phối giống, lấy sữa từ 5 con đến dưới 10 con; mục đích nuôi lấy thịt từ 20 con đến dưới 50 con;

- Heo: mục đích nuôi sinh sản, phối giống từ 10 con đến dưới 20 con; mục đích nuôi thịt từ 50 con đến dưới 100 con;

- Dê, cừu, chó: từ 100 đến dưới 200 con;

- Thỏ: từ 200 con đến dưới 5.000 con;

- Gia cầm từ 200 con đến dưới 2.000 con (đối với chim cút từ 2.000 đến dưới 20.000 con).

d) Chăn nuôi hộ gia đình: có số động vật ít hơn số lượng chăn nuôi quy mô nhỏ.

Tất cả số lượng động vật không tính số đầu con gia súc chưa cai sữa, số đầu con gia cầm dưới 7 ngày tuổi.

Đối với cơ sở nuôi nhiều đối tượng động vật, quy mô chăn nuôi cao nhất và vừa là quy mô được chọn để cơ quan chức năng thẩm định để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi.

đ) Điểm trung chuyển động vật: nơi tập kết động vật trong một thời gian nhất định để vận chuyển đến nơi khác.

4. Đánh giá tác động môi trường: là việc phân tích, dự báo các tác động môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra các biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án.

5. Bản cam kết bảo vệ môi trường: là bản phân tích, dự báo các loại chất thải phát sinh của dự án cụ thể để đưa ra các biện pháp nhằm làm giảm thiểu, xử lý chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường.

Chương II ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM

Điều 3. Địa điểm và phương thức chăn nuôi

1. Địa điểm chăn nuôi phải phù hợp với quy hoạch ngành, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và quy hoạch chăn nuôi của địa phương.

a) Không được chăn nuôi bất kỳ quy mô nào (trừ thú cảnh như: chó, mèo nuôi riêng lẻ hộ gia đình) trong khu vực dân cư tập trung; nội thành, nội thị, khu công nghiệp.

b) Cơ sở được chăn nuôi phải cách xa trường học, bệnh viện, chợ, khu dân cư, cơ sở sản xuất kinh doanh và các khu công cộng khác tối thiểu là:

- Đối với cơ sở chăn nuôi quy mô vừa và lớn là 100m, riêng đối với cơ sở chăn nuôi thủy cầm là 300 m và có tường bao quanh nhằm đảm bảo cách ly an toàn sinh học;

- Đối với cơ sở chăn nuôi quy mô nhỏ là 50 m, riêng đối với cơ sở chăn nuôi thủy cầm là 200 m;

- Đối với cơ sở chăn nuôi quy mô hộ gia đình là 20 m, riêng đối với cơ sở chăn nuôi thủy cầm là 100 m.

2. Về phương thức chăn nuôi:

a) Chăn nuôi phải có chuồng trại nuôi nhốt gia súc, gia cầm cách biệt với nhà ở; không được thả rông gia súc, gia cầm trong khu vực trung tâm nội thành, quận, thị trấn hoặc nơi công cộng; không được làm chuồng ngay trên sông, mương, rạch công cộng.

b) Không được nuôi chung gia súc với các loại gia cầm trong cùng một chuồng.

Điều 4. Điều kiện về môi trường

1. Các trường hợp vận chuyển chất thải chăn nuôi đến nơi khác phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

2. Đối với các dự án chăn nuôi có từ 1.000 con gia súc trở lên, từ 20.000 con gia cầm trở lên (đối với chim cút 100.000 con trở lên) phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Các dự án chăn nuôi còn lại phải lập bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo Vệ môi trường.

3. Đối với các cơ sở chăn nuôi đã hoạt động trước 01 tháng 7 năm 2006 mà không có Quyết định phê duyệt đánh giá tác động môi trường hoặc xác nhận đạt tiêu chuẩn môi trường thì phải lập đề

án bảo vệ môi trường trình cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để được phê duyệt hoặc xác nhận theo quy định tại Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường.

Điều 5. Điều kiện vệ sinh thú y

1. Đối với cơ sở vật chất:

a) Chăn nuôi quy mô vừa và quy mô lớn:

- Có hàng rào hoặc tường bao quanh bảo đảm ngăn chặn được người, động vật từ bên ngoài xâm nhập vào cơ sở;

- Có khu hành chính (đối với quy mô lớn), nhà ở riêng biệt;

- Có hố sát trùng cho người, phương tiện vận chuyển trước khi vào cơ sở và khu chăn nuôi;

- Chuồng nuôi xây dựng phù hợp với loài vật nuôi, thoáng mát, dễ thực hiện vệ sinh tiêu độc sát trùng, khoảng cách giữa các dãy chuồng phải có lối đi thích hợp;

- Môi trường của khu chăn nuôi phải đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y theo quy định;

- Thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc định kỳ, khi có dịch bệnh và sau mỗi đợt nuôi, xuất bán động vật; bảo đảm thời gian để trống chuồng sau mỗi đợt nuôi, xuất bán động vật;

- Thức ăn, nước uống dùng trong chăn nuôi phải đảm bảo vệ sinh thú y quy định tại Điều 8 của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Thú y;

- Có khu nuôi cách ly; khu xử lý động vật bệnh, chết;

- Có khu nhà kho;

- Có nhà vệ sinh, thay quần áo cho công nhân và khách tham quan;

- Có nội quy ra, vào trại;

- Có hệ thống sổ sách theo dõi việc xuất, nhập động vật, tình hình điều trị, tiêm phòng cho động vật;

- Trường hợp chăn nuôi trâu, bò với mục đích khai thác lấy sữa phải có khu sơ chế bảo quản sữa;

- Trường hợp chăn nuôi heo đực giống phải có khu khai thác, pha chế, bảo quản tinh dịch;

- Trường hợp chăn nuôi gia cầm giống, nếu có nhu cầu ấp trứng, còn phải có khu ấp trứng riêng biệt với khu chăn nuôi;

- Trường hợp chăn nuôi bao gồm nuôi thịt và nuôi giống cần thiết phải tách nuôi thịt và nuôi giống thành hai dãy riêng biệt;

- Thực hiện chương trình tiêm phòng dịch bệnh theo quy định hiện hành.

b) Chăn nuôi hộ gia đình và quy mô nhỏ:

- Phải có chuồng trại xây dựng phù hợp với loài vật nuôi, thực hiện tiêu độc khử trùng, đặc biệt không nuôi nhốt gần nơi ăn ở sinh hoạt gia đình;

- Thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc định kỳ, khi có dịch bệnh và sau mỗi đợt nuôi, xuất bán động vật;

- Thức ăn, nước uống dùng trong chăn nuôi phải đảm bảo vệ sinh thú y quy định tại Điều 8 Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Thú y;

- Có nơi xử lý chất thải động vật bảo đảm vệ sinh thú y và vệ sinh môi trường.

2. Đối với động vật nuôi:

a) Phải được tiêm phòng bắt buộc vắc xin hoặc áp dụng các biện pháp tiêm phòng bắt buộc khác cho đàn vật nuôi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Thú y, Quyết định số 63/2005/QĐ-BNN và Quyết định số 64/2005/QĐ-BNN ngày 13 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Đối với gia súc, gia cầm nuôi làm giống, ngoài các quy định tại điểm a khoản 2 Điều này còn phải được cơ quan thú y kiểm tra định kỳ các bệnh theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; nếu kết quả dương tính với bệnh phải chấp hành xử lý kỹ thuật theo hướng dẫn của cơ quan chức năng.

Điều 6. Đối với chăn nuôi vịt chạy đồng

1. Chủ chăn nuôi vịt chạy đồng phải khai báo về việc chăn nuôi và địa bàn chăn thả vịt với Ủy ban nhân dân cấp xã để được cấp sổ theo dõi và thực hiện tiêm phòng đầy đủ vắc xin cúm gia cầm theo quy trình hướng dẫn của cơ quan thú y.

2. Khi di chuyển đàn vịt xuất, nhập thành phố phải khai báo với cơ quan thú y sở tại để được kiểm dịch theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Đối với chim cảnh, chim hoang dã

- Cấm vận chuyển và buôn bán chim cảnh, chim hoang dã vào nội thành, nội thị;
- Khi phát hiện thấy chim bị bệnh, chết phải báo ngay cho cơ quan thú y;
- Không nuôi chim cảnh ở nơi công cộng, nơi có đông người qua lại;
- Đối với gia cầm, chim cảnh nuôi ở vườn thú, nơi công cộng phải nuôi kín, không để du khách đến gần, thực hiện tiêu độc khử trùng thường xuyên và giám sát vi rút cúm theo quy định của cơ quan thú y;
- Tổ chức giám sát chặt chẽ dịch bệnh tại các vườn chim tự nhiên.

Đối với việc quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội phải tuân theo Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ.

Điều 8. Trách nhiệm của chủ cơ sở chăn nuôi

1. Khi có dự án chăn nuôi hoặc mở rộng quy mô chăn nuôi, chủ dự án phải đăng ký và thực hiện đầy đủ các thủ tục theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền trước khi tiến hành xây dựng và đưa vào hoạt động.

2. Cơ sở hội đủ các điều kiện chăn nuôi theo Quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 của Quy định này, thực hiện việc đăng ký như sau:

- a) Chủ chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô lớn đăng ký để được kiểm tra, thẩm định và cấp giấy đủ điều kiện chăn nuôi của Chi cục thú y thành phố;
- b) Chủ chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô vừa đăng ký để được kiểm tra, thẩm định và cấp giấy đủ điều kiện chăn nuôi của Trạm thú y quận, huyện;
- c) Chủ chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô nhỏ và hộ gia đình đăng ký để được thẩm định và xác nhận của Ủy ban nhân dân và thú y cấp xã để được cấp sổ quản lý chăn nuôi.

3. Chủ cơ sở chăn nuôi tập trung phải khai báo với cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thú y có thẩm quyền về chủng loại, số lượng, cơ cấu, nguồn gốc đàn vật nuôi; xuất bán động vật hoặc nhập đàn mới; tình hình dịch bệnh, việc phòng bệnh, chữa bệnh cho động vật của cơ sở.

Hộ gia đình, cá nhân chăn nuôi động vật phải có sổ theo dõi việc xuất, nhập động vật, phòng bệnh, chữa bệnh cho động vật; báo cáo với nhân viên thú y cấp xã hoặc cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thú y cấp huyện về đàn vật nuôi khi có dịch bệnh.

4. Khi thấy động vật có dấu hiệu bất thường, chủ cơ sở chăn nuôi phải cách ly với động vật khỏe; đồng thời, báo ngay với cơ quan thú y cấp xã và tuân thủ mọi hướng dẫn của cơ quan thú y cấp xã (báo cáo bệnh, tiêu độc sát trùng, xử lý động vật bệnh theo quy định); không được bán, không giết mổ ăn thịt, không vứt bừa bãi động vật bệnh hoặc đã nhiễm bệnh. Chỉ nuôi mới hoặc tái đàn sau khi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố hết dịch trên địa bàn.

5. Phải có biện pháp xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đúng theo nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường đã được xác nhận và tuân thủ các quy định khác của pháp luật.

Chương III
ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG GIẾT MỔ GIA SÚC, GIA CẦM

Điều 9. Địa điểm cơ sở giết mổ động vật

1. Cơ sở phải có tường rào và cách nhà dân gần nhất tối thiểu 15 mét (khoảng cách này nằm trên phần đất của chủ cơ sở).
2. Cơ sở phải có tường rào và khoảng cách đến trường học, bệnh viện, khu điều dưỡng, khu công sở, cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ sở tôn giáo, khu vui chơi giải trí công cộng, nguồn nước mặt, giếng khoan lấy nước ngầm phục vụ cho mục đích ăn uống của người dân tối thiểu 50 mét.
3. Đảm bảo theo quy hoạch giết mổ gia súc, gia cầm của Ủy ban nhân dân các cấp.

Điều 10. Điều kiện về môi trường

1. Đối với các dự án giết mổ gia súc có công suất thiết kế từ 1.000 gia súc/ngày trở lên; gia cầm có công suất thiết kế từ 10.000 gia cầm/ngày trở lên phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Các dự án giết mổ gia súc, gia cầm còn lại phải lập bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Phải có hệ thống xử lý chất thải và thực hiện xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đối với chất thải rắn thực hiện theo Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn.

Điều 11. Điều kiện vệ sinh thú y

1. Đường ra, vào cơ sở giết mổ phải trải bê tông và phải có hố khử trùng, đường đi trong cơ sở giết mổ phải trải bê tông hoặc bằng xi măng; khu giết mổ phải có lối đi riêng để nhập động vật và xuất sản phẩm động vật.
2. Bố trí các khu vực tại cơ sở giết mổ:
 - a) Khu vực riêng nhốt động vật chờ giết mổ: phải đủ rộng ít nhất bằng 02 (hai) lần số lượng động vật giết mổ của lò mổ trong ngày. Chuồng phải có mái che, nền bê tông không trơn trượt, dễ thoát nước và vệ sinh tiêu độc.
 - b) Khu vực riêng để giết mổ, sơ chế động vật, sản phẩm động vật bao gồm:
 - Khu bản: gây mê, chọc tiết động vật; cạo lông hoặc đánh lông; làm lòng; chế biến phụ phẩm (luộc huyết,...);
 - Khu sạch: mổ lấy lòng, chế đôi thân thịt, kiểm soát giết mổ, pha lóc và bao gói sản phẩm (nếu có); có phòng riêng biệt để chuẩn bị và làm sạch lòng. Riêng đối với cơ sở giết mổ heo phải bố trí dây chuyền giết mổ treo theo trình tự mổ lấy lòng; chế đôi thân thịt; kiểm soát giết mổ sản phẩm động vật.
 - c) Khu vực cách ly động vật ốm: nuôi nhốt, giết mổ động vật bệnh hoặc nghi mắc bệnh; bao gồm: nơi giết mổ và chuồng cách ly. Toàn bộ nước sử dụng tại đây phải được đưa vào hệ thống xử lý đảm bảo theo quy định trước khi đi vào hệ thống dẫn nước thải công cộng.
 - d) Khu xử lý sản phẩm không đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y.
 - đ) Phòng vệ sinh, thay quần áo của công nhân.
 - e) Phòng làm việc của cán bộ thú y.
3. Yêu cầu vệ sinh thú y ở các khu vực giết mổ:
 - a) Bố trí dây chuyền giết mổ lưu thông theo một chiều từ khu bản đến khu sạch.
 - b) Phải có bệ hoặc giá đỡ hoặc bàn có độ cao phù hợp (độ cao tối thiểu 0,8 mét so với mặt nền); có bề mặt phẳng, nhẵn, không kê nứt, được làm bằng vật liệu không rỉ, không thấm nước và có màu trắng dễ dàng phát hiện vết bẩn sau khi vệ sinh. Tuyệt đối không giết mổ động vật trên mặt nền.
 - c) Nơi kiểm tra sản phẩm (thịt và phủ tạng) phải có đủ ánh sáng trắng và giá treo đầu, lòng đỏ và trang bị thùng chứa bệnh phẩm.
 - d) Nguồn nước phải đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y.
 - đ) Mặt nền cơ sở giết mổ phải được tráng bê tông, không trơn trượt, có hệ thống rãnh thoát nước nhanh, không ứ đọng, dễ vệ sinh tiêu độc, ở trên có nắp bảo vệ. Bề mặt nền sàn có độ dốc tối thiểu 2% đối với lò mổ có dây chuyền hiện đại, đối với lò mổ thủ công nền sàn phải có độ dốc > 5%.

e) Tường của khu vực giết mổ phải đáp ứng được các yêu cầu như sau:

- Tường cao ít nhất 2,5m, mặt tường phải phẳng, không bám bụi, để vệ sinh tiêu độc, từ nền trở lên ít nhất 2m phải lát gạch men trắng, phía trên quét vôi trắng hoặc sơn trắng;
- Góc giữa hai tường, góc giữa tường và nền phải tráng nghiêng;
- Có kính chắn bụi, có lưới ngăn chim và côn trùng.

g) Khu vực sản xuất và chuồng nhốt động vật chờ mổ phải đảm bảo có đủ ánh sáng trắng theo quy định sau:

- Cường độ ánh sáng khu khám thịt ít nhất là 540 Lux;
- Cường độ ánh sáng ở các khu vực khác ít nhất là 200 Lux;
- Cơ sở trang bị máy phát điện để dự phòng sự cố cúp điện. Đèn chiếu sáng phải có lưới bảo vệ.

h) Gây bất tỉnh động vật bằng dòng điện một chiều và phải tuân thủ các quy định về an toàn lao động trong quá trình sử dụng. Nghiêm cấm việc sử dụng trực tiếp điện nhà để gây bất tỉnh động vật.

4. Chế độ vệ sinh, khử trùng tiêu độc tại điểm giết mổ:

- Chủ cơ sở thực hiện tiêu độc định kỳ 2 lần/năm các trang thiết bị, dụng cụ, máy móc của cơ sở giết mổ theo hướng dẫn của thú y và đột xuất khi có gia súc, gia cầm mắc bệnh truyền nhiễm; vệ sinh toàn bộ cơ sở trước và sau mỗi ca sản xuất;

- Cơ sở giết mổ ngưng hoạt động trên 15 ngày, khi muốn hoạt động trở lại, phải tổ chức tiêu độc trước 03 ngày;

5. Trong trường hợp thịt, phủ tạng, phụ phẩm của động vật không đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y thì kiểm dịch viên xử lý theo Pháp lệnh Thú y.

6. Cơ sở phải đảm bảo tối thiểu số lượng giết mổ gia súc 20 con/ngày, gia cầm 200 con/ngày; những cơ sở có công suất thường xuyên thấp hơn mức tối thiểu quy định phải đóng cửa ngưng hoạt động.

7. Đối với động vật sau khi giết mổ được trữ đông phải đảm bảo đúng kỹ thuật theo quy định.

Điều 12. Trách nhiệm của chủ cơ sở và những người trực tiếp tham gia hoạt động giết mổ động vật

1. Đối với chủ cơ sở:

a) Phải đăng ký với các cơ quan có thẩm quyền theo quy định để được thẩm định điều kiện hoạt động.

b) Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định.

c) Phải đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y theo quy định:

- Những cơ sở giết mổ xây dựng sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành phải đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định tại Điều 11 của Quy định này.

- Những cơ sở được xây dựng trước khi ban hành Quyết định này phải thực hiện việc nâng cấp và đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định tại Điều 11 của Quy định này. Sau 06 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, những cơ sở không đạt yêu cầu sẽ bị đóng cửa ngưng hoạt động.

d) Chủ cơ sở hoặc người trực tiếp quản lý chịu trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng, cụ thể:

- Hợp tác với cơ quan thú y xử lý kỹ thuật đối với động vật mắc bệnh nguy hiểm;
- Phải có biện pháp xử lý chất thải đúng nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường và xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường;

- Thường xuyên có mặt trong ca sản xuất để điều hành hoạt động giết mổ động vật theo đúng các nội dung được nêu trong quy định này và tuân thủ theo sự hướng dẫn của cán bộ thú y được phân công làm việc tại cơ sở;

- Lập sổ nhật ký lò và ghi chép đầy đủ số lượng, nguồn gốc động vật nhập vào cơ sở;

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước; nộp đủ phí, lệ phí thú y theo quy định của Bộ Tài chính và chịu các khoản phí phát sinh trong quá trình xét nghiệm, xử lý, lưu giữ động vật, sản phẩm động vật theo hướng dẫn của cơ quan thú y.

đ) Cơ sở phải có đội công nhân giết mổ do chủ cơ sở trực tiếp quản lý điều hành để thực hiện đúng dây chuyền giết mổ theo sự hướng dẫn của ngành Thú y và đảm bảo trật tự chung tại cơ sở.

2. Những người trực tiếp tham gia hoạt động giết mổ tại cơ sở:

a) Phải có đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định và có giấy khám sức khỏe định kỳ (6 tháng/lần) của cơ quan y tế từ tuyến huyện trở lên.

b) Phải vệ sinh cá nhân và bảo hộ lao động (quần áo, khẩu trang, ủng) trước khi vào ca sản xuất. Không hút thuốc, khạc nhổ, ăn uống trong khu vực giết mổ.

c) Phải được tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Chương IV **QUY ĐỊNH TRONG MUA BÁN, VẬN CHUYỂN** **ĐỘNG VẬT VÀ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT**

Điều 13. Những quy định chung trong mua bán, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật

1. Động vật, sản phẩm động vật có đủ các điều kiện theo khoản 2 Điều 26 Pháp lệnh Thú y sẽ được cơ quan thú y tại địa phương cấp giấy chứng nhận kiểm dịch để lưu thông trên thị trường.

2. Động vật ngoài địa bàn thành phố khi nhập vào thành phố Cần Thơ:

- Phải có giấy chứng nhận kiểm dịch động vật hợp lệ theo quy định của Pháp lệnh Thú y;

- Với mục đích giết thịt chỉ được chuyển đến cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung của thành phố;

- Với mục đích làm giống hoặc nuôi phải nuôi tại chuồng cách ly và báo cho Trạm Thú y sở tại để được hướng dẫn trước khi nhập đàn;

3. Chủ của động vật, sản phẩm động vật hoặc chủ của phương tiện vận chuyển có trách nhiệm:

- Chấp hành các quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;

- Phải chịu trách nhiệm về hàng hóa (nguồn gốc, chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quy định), phương tiện vận chuyển chuyên dùng, nội dung khai báo của mình, bảo đảm vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Điều kiện kinh doanh sản phẩm động vật

1. Đối với chủ thể kinh doanh:

- Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Phải được tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Người kinh doanh phải được khám sức khỏe định kỳ (6 tháng/lần) theo quy định của cơ quan y tế, không mắc các bệnh truyền nhiễm, bệnh ngoài da theo quy định; có trang phục bảo hộ cá nhân: áo choàng, mũ, găng tay, khẩu trang.

2. Điều kiện về địa điểm kinh doanh:

a) Có địa điểm cố định, phù hợp với quy hoạch của chính quyền địa phương và được sự chấp thuận của cơ quan có chức năng, phù hợp với sự sắp xếp mạng lưới kinh doanh chung của chợ hoặc của địa phương.

b) Phải đảm bảo hợp vệ sinh, cách xa bãi chứa chất thải, nhà vệ sinh, bệnh viện, các cơ sở sản xuất có nhiều bụi khói, chất độc hại đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

3. Điều kiện về vệ sinh thú y:

- Mặt bàn bày bán (quầy, sạp) cách mặt đất ít nhất 0,8 mét. Bàn (quầy, sạp) phải có bề mặt phẳng, nhẵn, không kẽ nứt và phải làm bằng vật liệu không rỉ, không thấm nước;

- Dụng cụ dùng trong kinh doanh phải bằng vật liệu không rỉ, không bị ăn mòn, không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, phải được vệ sinh sạch sẽ. Vật dụng dùng để bao gói sản phẩm phải hợp vệ sinh và không độc hại;

- Phải có đủ các vật dụng cần thiết khác như: cân đã qua kiểm định; thùng hoặc khay chứa đựng, dao, thớt, vật dụng bao gói, hệ thống nước rửa hợp vệ sinh;

- Nơi mua bán và vật dụng dùng trong mua bán sản phẩm động vật phải được vệ sinh sạch sẽ trước, trong và sau khi bán;

- Đối với các cơ sở kinh doanh sản phẩm động vật đông lạnh phải có tủ lạnh hoặc kho lạnh để bảo quản sản phẩm; nhiệt độ bảo quản trong suốt quá trình kinh doanh phải đảm bảo theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

4. Điều kiện về sản phẩm động vật:

a) Sản phẩm động vật trong nước:

- Phải được cơ quan thú y kiểm dịch;

- Không được bán sản phẩm động vật chưa qua kiểm soát của cơ quan thú y, sản phẩm từ con vật bệnh, chết, sản phẩm đã bị hư, ôi thiu, đổ nhót, dơ bẩn; không được bơm tiêm nước, bôi phẩm màu công nghiệp và ướp các hóa chất độc hại vào sản phẩm gây nguy hại đến sức khỏe người tiêu dùng.

b) Sản phẩm động vật đông lạnh nhập khẩu:

- Phải đảm bảo theo yêu cầu điểm a khoản 4 Điều này;

- Phải có bao bì đóng gói và nhãn hàng hoá thực phẩm theo quy định;

- Lập sổ ghi chép xuất nhập hàng.

5. Phương tiện vận chuyển sản phẩm động vật: phải đảm bảo theo khoản 2 Điều 19 của Quy định này.

6. Tất cả các nhà hàng, quán ăn có sử dụng sản phẩm gia cầm phải chịu trách nhiệm về nguồn gốc gia cầm đưa vào chế biến và đảm bảo sản phẩm gia cầm đã qua kiểm dịch

Điều 15. Điều kiện kinh doanh động vật sống sử dụng làm thực phẩm:

1. Đối với chủ thể kinh doanh: phải đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Quy định này. Phải chấp hành nghiêm túc thời gian hoạt động trong ngày và chế độ tiêu độc sát trùng theo hướng dẫn của cơ quan thú y và Ban quản lý chợ.

2. Đối với địa điểm kinh doanh:

a) Đối với chợ cấp xã: chỉ được kinh doanh gia súc sống đã qua kiểm dịch và phải có khu kinh doanh riêng biệt với các loại hàng hóa khác, phù hợp với sự sắp xếp mạng lưới kinh doanh chung của địa phương.

b) Đối với chợ trong nội thành, nội thị: không được buôn bán động vật sống tại các chợ. Chỉ được buôn bán động vật sau khi đã giết mổ, chế biến đảm bảo vệ sinh thú y và vệ sinh an toàn thực phẩm.

3. Đối với động vật để kinh doanh:

- Phải có giấy chứng nhận kiểm dịch động vật hợp lệ theo quy định của Pháp lệnh Thú y;

- Trong quá trình hoạt động, nếu thấy động vật có biểu hiện bệnh, chết; chủ động vật (hoặc người đại diện) phải báo ngay cho cơ quan thú y gần nhất để được hướng dẫn cách xử lý.

4. Đối với phương tiện dùng vận chuyển động vật: phải đảm bảo theo khoản 1 Điều 19 của Quy định này.

Điều 16. Điều kiện kinh doanh động vật sử dụng cho mục đích nuôi thịt hoặc làm giống phải đảm bảo theo quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh Giống vật nuôi và Điều 15 của Quy định này.

Điều 17. Điều kiện vệ sinh thú y cơ sở sơ chế, chia nhỏ đóng gói lại (sau đây gọi là sơ chế) sản phẩm động vật nhập khẩu:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Có địa điểm cố định, cách xa bãi chứa chất thải, bệnh viện, các cơ sở sản xuất có nhiều bụi khói, chất độc hại đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

3. Có kho bảo quản sản phẩm động vật; thiết kế bố trí nhà xưởng, trang thiết bị sử dụng sơ chế; phương tiện vận chuyển sản phẩm đông lạnh nhập khẩu phải đảm bảo yêu cầu theo Hướng dẫn số 111/HD-TY-KD ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Cục thú y về các yêu cầu vệ sinh thú y trong hoạt động bảo quản, vận chuyển, mua bán, tiêu thụ, sản phẩm động vật nhập khẩu và phân công trách nhiệm quản lý.

4. Những người trực tiếp tham gia hoạt động sơ chế tại cơ sở phải có đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định và có giấy khám sức khỏe định kỳ (6 tháng/lần) của cơ quan y tế từ tuyến huyện trở lên; phải vệ sinh cá nhân và bảo hộ lao động (quần áo, khẩu trang, ủng) trước khi vào ca sản xuất. Phải được tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm.

5. Thực hiện nghiêm túc quy chế ghi nhãn thực phẩm, ghi nhãn phụ tiếng Việt theo quy định.

6. Lập sổ ghi chép xuất nhập hàng.

7. Chấp hành nghiêm các quy định về khai báo kiểm dịch vận chuyển trong nước khi đưa hàng hóa tiêu thụ trên thị trường.

Điều 18. Điều kiện vệ sinh thú y và vệ sinh môi trường đối với điểm trung chuyển động vật: phải đảm bảo theo quy định Điều 44 của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 3 năm 2005 về quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh thú y và đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường, xử lý chất thải theo Luật Bảo vệ Môi trường.

Điều 19. Điều kiện vệ sinh thú y đối với phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật

1. Đối với phương tiện vận chuyển động vật:

- An toàn về mặt kỹ thuật để bảo vệ động vật trong suốt quá trình vận chuyển;

- Tùy theo loài động vật, nơi chứa động vật phải có đủ diện tích, không gian để đảm bảo an toàn cho động vật trong quá trình vận chuyển;

- Sàn xe phải phẳng, kín, không trơn, không để lọt nước và chất thải ra môi trường trong quá trình vận chuyển; để vệ sinh, khử trùng tiêu độc; thành, nóc và cửa xe phải chắc chắn;

- Đối với phương tiện vận chuyển động vật kín phải có hệ thống thông khí thích hợp;

- Nghiêm cấm vận chuyển động vật trên phương tiện chở hành khách;

- Nghiêm cấm việc vận chuyển động vật không rõ nguồn gốc, không giấy kiểm dịch thú y.

2. Đối với phương tiện vận chuyển sản phẩm động vật:

- An toàn về mặt kỹ thuật để bảo đảm chất lượng sản phẩm động vật không bị ảnh hưởng trong suốt quá trình vận chuyển;

- Mặt trong của vật dụng chứa đựng sản phẩm động vật phải được làm bằng vật liệu không rỉ, nhẵn, chống thấm, chống ăn mòn, không độc, không mùi và dễ vệ sinh, khử trùng tiêu độc;

- Đối với phương tiện vận chuyển chuyên dùng: nhiệt độ bên trong phải đáp ứng yêu cầu bảo quản đối với từng loại sản phẩm, đảm bảo không làm vấy nhiễm hoặc thay đổi chất lượng sản phẩm sau khi vận chuyển;

- Trường hợp số lượng ít: có thể sử dụng phương tiện thô sơ, nhưng sản phẩm động vật phải được chứa trong thùng kín bằng kim loại đảm bảo vệ sinh thú y hoặc phải được bao gói hợp vệ sinh, không làm vấy nhiễm hoặc thay đổi chất lượng sản phẩm sau khi vận chuyển;

- Phương tiện vận chuyển sản phẩm động vật: lông, da, sừng, móng với mục đích không sử dụng làm thực phẩm phải có sàn kín, dễ vệ sinh tiêu độc.

3. Phương tiện vận chuyển và dụng cụ chứa đựng sản phẩm động vật phải được rửa sạch, tẩy trùng, để khô ráo, vệ sinh tiêu độc sát trùng trước và sau khi vận chuyển.

Chương V **ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG ÁP TRỨNG GIA CẦM**

Điều 20. Địa điểm cơ sở ấp trứng

1. Địa điểm của cơ sở ấp trứng phải phù hợp với quy hoạch của địa phương; riêng biệt và có khoảng cách bảo đảm an toàn sinh học đối với các cơ quan, trường học, bệnh viện, chợ và các nơi công cộng khác.

- Cơ sở ấp trứng gia cầm công nghiệp phải cách xa trường học, bệnh viện, chợ, công sở, khu dân cư tối thiểu 200 m và có tường bao quanh khu vực ấp trứng.

- Cơ sở ấp trứng thủ công quy mô nhỏ, ấp trứng lộn phải cách biệt nơi ở, trường học, bệnh viện, chợ, công sở và các nơi công cộng khác bằng tường bao quanh nhằm bảo đảm điều kiện cách ly về an toàn sinh học.

2. Nghiêm cấm các hoạt động ấp trứng gia cầm trong khu vực dân cư tập trung, khu phố, nội thành, nội thị, khu công nghiệp.

Điều 21. Điều kiện về môi trường

1. Phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc làm bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường.

2. Cơ sở phải có biện pháp thu gom và xử lý chất thải (vỏ trứng, trứng không nở, xác gia cầm chết) đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, dưới sự giám sát và chấp nhận của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Chủ cơ sở tự chọn lựa biện pháp, công nghệ xử lý và bố trí hệ thống xử lý phù hợp, đảm bảo việc xử lý chất thải có hiệu quả.

Điều 22. Điều kiện vệ sinh thú y

1. Diện tích cơ sở ấp trứng phải phù hợp với công suất tối đa được đăng ký.

2. Lối ra vào cơ sở ấp trứng phải có hố khử trùng tiêu độc.

3. Nguồn gốc trứng nhập vào cơ sở:

a) Đối với mục đích ấp lộn: trứng nhập vào cơ sở phải có nguồn gốc từ đàn gia cầm bố mẹ khoẻ mạnh, an toàn dịch bệnh, đã tiêm phòng vắc xin cúm gia cầm đúng quy định; đồng thời cơ sở chăn nuôi phải khai báo, đăng ký và được kiểm dịch của cơ quan thú y.

b) Đối với mục đích ấp nở ra con giống: trứng nhập vào cơ sở phải có nguồn gốc từ đàn gia cầm bố mẹ khoẻ mạnh, an toàn dịch bệnh, đã tiêm phòng vắc xin cúm gia cầm đúng quy định và được kiểm dịch của cơ quan thú y. Tuyệt đối không được sử dụng trứng gia cầm thương phẩm trôi nổi ngoài thị trường hoặc từ các trại thương phẩm để ấp nở thành con giống.

c) Trứng trước khi đưa vào ấp phải được khử trùng, tiêu độc.

4. Thực hiện tiêu độc, khử trùng phương tiện vận chuyển trứng, gia cầm con sau mỗi lần sử dụng.

5. Tiêu độc, sát trùng dụng cụ và máy ấp trước và sau mỗi đợt ấp; tiêu độc định kỳ cơ sở theo hướng dẫn của ngành Thú y.

6. Có nơi xử lý gia cầm con chết, loại thải, trứng hỏng, vỏ trứng và chất thải khác đảm bảo vệ sinh thú y.

7. Cơ sở ấp trứng, không phân biệt quy mô, đều phải tự lập sổ, tự ghi chép cho từng mẻ ấp trứng về các nội dung như sau: Nguồn gốc trứng ấp; số lượng gia cầm con bán; số lượng gia cầm con chết (nếu có); ngày bán; tên, địa chỉ của tổ chức cá nhân mua con giống.

8. Khi xuất bán gia cầm và sản phẩm gia cầm (thuộc diện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật) ra khỏi quận, huyện, thành phố phải khai báo cho Trạm Thú y sở tại để kiểm tra và cấp giấy kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật theo quy định.

Điều 23. Đối với chủ thể có liên quan hoạt động ấp trứng gia cầm

1. Đối với chủ cơ sở:

Khi có đủ điều kiện ấp trứng gia cầm theo Điều 20, Điều 21 và Điều 22 của Quy định này, cơ sở ấp trứng đều phải tự khai báo để được giám sát về dịch bệnh và điều kiện vệ sinh thú y:

- Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng đăng ký kinh doanh thực hiện việc đăng ký tại cấp có thẩm quyền quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh. Cơ sở ấp trứng thuộc đối tượng đăng ký kinh doanh khai báo với cơ quan thú y cấp huyện;

- Cơ sở ấp trứng không thuộc diện phải đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh thì chủ cơ sở ấp trứng phải khai báo với Ủy ban nhân dân cấp xã về hoạt động kinh doanh ấp trứng gia cầm.

2. Những người trực tiếp tham gia hoạt động ấp trứng tại cơ sở phải có đủ sức khỏe theo quy định của cơ quan y tế và có giấy khám sức khỏe định kỳ (6 tháng/lần) của cơ quan y tế địa phương.

Điều 24. Trong trường hợp có tình hình dịch bệnh nghiêm trọng, chủ cơ sở phải tạm ngưng ấp trứng (kể cả trứng lộn) hoặc kinh doanh con giống theo quy định của Nhà nước.

Chương VI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, CẤP PHÉP

Điều 25. Trách nhiệm của các sở, ngành có liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn cụ thể thủ tục đăng ký, biểu mẫu giấy chứng nhận đủ điều kiện, quy trình thẩm định điều kiện hoạt động chăn nuôi, giết mổ, mua bán, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật, ấp trứng gia cầm trên địa bàn thành phố.

b) Chỉ đạo Chi Cục Thú y:

- Tổ chức thực hiện công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y động vật, sản phẩm động vật, phương tiện vận chuyển, vệ sinh thú y cơ sở chăn nuôi, giết mổ, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật, lò ấp trứng gia cầm;

- Kiểm tra và cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất con giống, giết mổ, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật, lò ấp trứng gia cầm; thời gian thực hiện trong 15 ngày làm việc;

- Hướng dẫn cho các cơ sở chăn nuôi tiềm phòng bắt buộc các bệnh cho từng loại gia súc, gia cầm và áp dụng các biện pháp tiềm phòng bắt buộc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Chỉ đạo Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các ngành chức năng kiểm tra xử lý vi phạm thuộc phạm vi quản lý của ngành.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn việc thực hiện điều kiện môi trường đối với hoạt động của cơ sở chăn nuôi, giết mổ động vật, ấp trứng gia cầm trên địa bàn thành phố;

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng kiểm tra xử lý các trường hợp vi phạm các quy định trong lĩnh vực môi trường;

c) Tổ chức thẩm định về điều kiện môi trường đối với trường hợp phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường có tính chất và quy mô tương ứng (hoặc đề án bảo vệ môi trường có tính chất và quy mô tương ứng với báo cáo đánh giá tác động môi trường).

3. Sở Y tế:

a) Chỉ đạo tổ chức khám và chứng nhận sức khỏe cho các cá nhân hành nghề theo đúng quy định;

b) Phối hợp với các sở, ngành liên quan để tổ chức tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm và hướng dẫn cho các cơ sở chăn nuôi, giết mổ, mua bán, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật và ấp trứng gia cầm biện pháp bảo hộ lao động tại cơ sở;

c) Chỉ đạo tổ chức quản lý và phối hợp kiểm tra việc mua bán sản phẩm động vật theo quy định của Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm;

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức tuyên truyền sâu rộng cho nhân dân về các biện pháp phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và lây nhiễm trên người.

4. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Công an thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành kiểm tra và xử lý các trường hợp vi phạm trong hoạt động chăn nuôi, giết mổ, mua bán, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật, ấp trứng gia cầm trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

1. Phối hợp với các ngành chức năng chuyên môn tổ chức quy hoạch chăn nuôi, giết mổ, mua bán, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật và ấp trứng gia cầm trên địa bàn.

2. Thực hiện Cấp giấy phép đăng ký kinh doanh cho cơ sở giết mổ động vật, điểm mua bán, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật, cơ sở ấp trứng gia cầm.

3. Chỉ đạo Phòng Kinh tế, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp Trạm Thú y kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp giấy xác nhận cam kết bảo vệ môi trường cho các đối tượng do Ủy ban nhân dân quận, huyện cấp phép, cấp giấy đủ điều kiện; đình chỉ hoạt động hoặc gia hạn thời gian đình chỉ hoạt động đối với những cơ sở không đủ điều kiện.

4. Chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm nội dung Quy định này tại địa phương theo quy định của pháp luật. Thực hiện nghiêm công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm theo chỉ đạo của Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 27. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hướng dẫn, theo dõi việc khai báo, đăng ký nuôi vịt chạy đồng (người chăn nuôi đăng ký với Trường ấp, khu vực; sau đó, Trường ấp, khu vực tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và Trường thú y xã, phường, thị trấn) để quản lý và cấp sổ theo dõi.

Điều 28. Thẩm quyền và trình tự cấp giấy phép đăng ký kinh doanh đối với cơ sở giết mổ động vật, cơ sở ấp trứng gia cầm, điểm trung chuyển động vật, điểm mua bán động vật, sản phẩm động vật.

1. Cấp giấy phép đăng ký kinh doanh đối với cơ sở giết mổ động vật; cơ sở ấp trứng gia cầm, điểm trung chuyển động vật, điểm mua bán động vật, sản phẩm động vật.

- Thẩm quyền: Ủy ban nhân dân quận, huyện;

- Địa điểm đăng ký: Phòng Tài chính - Kế hoạch;

- Thời gian và trình tự thực hiện: không quá 15 ngày làm việc. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ chuyển đến các ngành chức năng để tiến hành thẩm định; cụ thể:

+ Phòng Tài Nguyên và Môi trường thẩm định và cấp giấy xác nhận cam kết bảo vệ môi trường hoặc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (không áp dụng đối với điểm mua bán sản phẩm động vật), thời gian thực hiện trong 05 ngày làm việc;

+ Trên cơ sở kết quả đã được cơ quan chức năng kiểm tra đạt điều kiện vệ sinh thú y, điều kiện môi trường và đối chiếu các quy định về thủ tục đăng ký kinh doanh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoàn chỉnh, trình Ủy ban nhân dân quận, huyện cấp giấy đăng ký kinh doanh.

Điều 29. Hiệu lực cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất con giống, giết mổ, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật, lò ấp trứng gia cầm là 2 năm. Trước 15 ngày hết thời hạn của giấy đủ điều kiện chăn nuôi, chủ cơ sở có trách nhiệm đăng ký với cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra và tái cấp giấy đủ điều kiện chăn nuôi (khi đạt yêu cầu).

**Chương XI
XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 30. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về điều kiện chăn nuôi, giết mổ, mua bán, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật, ấp trứng gia cầm nêu tại Quy định này sẽ bị xử phạt theo pháp luật hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(đã ký)
Trần Thanh Mẫn**